TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **86**/2026/DS-ST
Ngày: 26/8/2026
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Luân;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Thuỷ và ông Nguyễn Tây Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2026/TLST-DS, ngày 03 tháng 02 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2026/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 155/2026/QĐST-DS ngày 07/8/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 1, xã Ki, tỉnh Lâm Đồng – vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền ông T: Bà Bùi Thị D, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 6, phường B (nay là tổ 4 – Ngh), tỉnh Lâm Đồng (theo văn bản uỷ quyền ngày 30/10/2025) – có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn H, sinh năm 1972; địa chỉ thường trú: Tổ 2, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là Thôn 1, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng); địa chỉ liên H: Thôn 11, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do có mỗi quan H quen biết vào ngày 31/9/2020 (theo thói quen là viết vào ngày cuối cùng của tháng, thực tế tháng 9 không có ngày 31 và chỉ có ngày 30), ông Ngô Văn H vay của ông Nguyễn Huy T số tiền gốc là 100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ 05 ngày kể từ ngày 30/9/2020. Hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Việc vay tiền được thể hiện bằng văn bản do ông H là người trực tiếp viết và có ký xác nhận nợ của ông H. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông H không trả mặc dù ông T đã đòi

nợ nhiều lần. Để đảm bảo quyền lợi cho mình ông T yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Văn H trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm kể từ ngày 06/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình làm việc Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Ngô Văn H. Tuy nhiên ông H không có văn bản trình bày cho Toà án, mặc dù đã có Đơn sao chụp tài liệu, ông H cố tình né tránh việc lấy lời khai của Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc T theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành tốt quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa tốt quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể vắng mặt tại các buổi làm việc (theo Giấy triệu tập của Toà án), phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa lần 01 và lần 02 không có ý do.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 143, Điều 144; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Áp dụng: Khoản 1 Điều 351; khoản 2 Điều 357; khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Ngô Văn H thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Huy T số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 06/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan H pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ông Nguyễn Huy T khởi kiện ông Ngô Văn H trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm kể từ ngày 06/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Vì vậy, quan H pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Bị đơn hiện đang cư trú tại xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.2] Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 của BLTTDS để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn chấp hành tốt quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa lần thứ nhất mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn chấp hành chưa tốt quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể vắng mặt tại các buổi làm việc (theo giấy triệu tập của Toà án), phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa lần 01 và lần 02 không có lý do. Như vậy, bị đơn tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS. Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS. Do đó, việc HĐXX tiến hành mở phiên tòa xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về xác định tư cách đương sự trong vụ án: Ngoài việc xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án của nguyên đơn và bị đơn. Thì Tòa án còn xác định như sau: Nguyên đơn ông Nguyễn Huy T chưa có vợ; Đối với bà Nguyễn Thị Ng (vợ ông H) do quá trình làm việc ông H không hợp tác, không trình bày ý kiến về khoản vay này mặc dù đã sao chụp tài liệu để nghiên cứu (Có đơn sao chụp tài liệu – BL51), bà Nga không ký vào khoản vay đó. Qua giấy vay (chỉ có mình ông H ký tên và nguyên đơn cũng chỉ yêu cầu ông H trả nợ), biên bản lấy lời khai, bản trình bày của nguyên đơn, tại phiên toà bên nguyên đơn cũng chỉ yêu cầu ông H trả nợ. HĐXX xét thấy bà Nguyễn Thị Ng không liên quan đến vụ án nên Tòa án không đưa bà Ng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 30/9/2020, ông Nguyễn Huy T có vay của ông Ngô Văn H số tiền gốc là 100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ 05 ngày kể từ ngày 30/9/2020 (do thói quen ghi ngày cuối tháng là ngày 31, thực tế tháng 9 chỉ có 30 ngày). Hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Việc vay tiền được thể hiện bằng văn bản do ông H là người trực tiếp viết và có ký xác nhận nợ của ông H. Tại thời điểm vay tiền các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện, nội dung của thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Quá trình làm việc Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Ngô Văn H. Tuy nhiên ông H không có văn bản trình bày cho Toà án, mặc dù đã có đơn sao chụp tài liệu cho thấy ông H cố tình né tránh việc lấy lời khai của Toà án.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của BLTTDS thì *"...2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Nên đây là những sự kiện không phải chứng minh.

HĐXX thấy rằng: Bên bị đơn không phản đối đối với những tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp

lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng ông H đã không có văn bản trình bày ý kiến. Mặt khác, ông T mong muốn được hòa giải với ông H nhưng trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ông H cũng không tham gia (dù đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ BL37-40, 46, 54). Quá trình giải quyết vụ án ông H cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ cho việc trả nợ nên không có căn cứ để HĐXX xem xét ý kiến của bị đơn.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, HĐXX thấy rằng: Ông H đã vi phạm nghĩa vụ dân sự theo khoản 1 Điều 351 của BLDS năm 2015 *"1. Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ".*

Tại khoản 1 Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 quy định: *"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.…".* Ông H đã vi phạm nghĩa vụ dân sự nên ông T yêu cầu trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về yêu cầu lãi suất: Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; trên cơ sở yêu cầu của đương sự, HĐXX xét thấy căn cứ các quy định trên tính lại phần lãi suất như sau:

Trong giấy vay tiền các bên không thoả thuận về lãi suất, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận các bên không thoả thuận về lãi suất khi vay (BL 43).

Khoản 4 Điều 466 của BLDS quy định: *"Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác".*

Tại khoản 2 Điều 468 của BLDS quy định: *"Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.*" Bên nguyên đơn yêu cầu lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS là 0,83%/tháng (từ ngày 06/10/2020 đến ngày xét xử) = 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 70 tháng 20 ngày = 58.653.000 đồng (làm tròn số).

Từ phân tích trên, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông H phải trả cho nguyên đơn ông T tổng số tiền là 158.653.000 đồng, trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi là 58.653.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của BLDS để tính lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Ngô Văn H phải chịu án phí dân sự là 158.653.000 đồng x 5% = 7.933.000 đồng (làm tròn số).

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 143, Điều 144; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 351; khoản 2 Điều 357; khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Huy T.

Buộc bị đơn ông Ngô Văn H có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Huy T tổng số tiền là **158.653.000 đồng**, trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi là 58.653.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Ngô Văn H phải nộp 7.933.000 đồng (làm tròn số) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Huy T 3.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002152 ngày 30/01/2026 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 34 và 36 Luật Thi hành án dân sự; người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận
- *TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND khu vực 8 – Lâm Đồng;*
- *Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Bá Luân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 79/2026/QĐ-SCBSBA	*Lâm Đồng, ngày 03 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - LÂM ĐỒNG

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do lỗi rõ ràng về chính tả trong bản án số 86/2026/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 1, xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền ông T: Bà Bùi Thị Dung, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 6, phường Bắc Gia Nghĩa (nay là tổ 4 – Nghĩa Thành), tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn H, sinh năm 1972; địa chỉ thường trú: Tổ 2, xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng (nay là Thôn 1, xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng); địa chỉ liên H: Thôn 11, xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 86/2026/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng như sau:

Tại dòng thứ 12 từ dưới lên, trang 3 của bản án đã ghi: "…Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 30/9/2020, ông Nguyễn Huy T ***có vay của ông Ngô Văn H*** số tiền gốc là 100.000.000 đồng…".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

"…Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 30/9/2020, ông Nguyễn Huy T ***có cho ông Ngô Văn H vay*** số tiền gốc là 100.000.000 đồng……".

Nơi nhận: - VKSND Khu vực 8 – Lâm Đồng; - Đương sự; - Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Lâm Đồng; - Lưu hồ sơ vụ án.	**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ** **(Đã ký)** **Nguyễn Bá Luân**